



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08 tháng 04 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con, 1 Công ty liên kết và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Sách - TBTH Tây Ninh
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2016: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 295 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 23 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Từ Trung Đan | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 804/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 11/08/2016 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1016-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125.079.713.475	84.412.989.238
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.241.018.245	18.377.954.261
1. Tiền	111		2.130.390.305	6.229.015.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.627.940	12.148.939.249
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.629.991.485	33.314.056.747
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	53.177.948.965	32.081.380.629
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	310.202.161	1.212.023.978
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8.200.000	14.200.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	281.697.049	124.101.099
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(148.056.690)	(117.648.959)
IV. Hàng tồn kho	140	10	66.883.313.471	32.494.680.773
1. Hàng tồn kho	141		67.056.185.890	32.657.417.595
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(172.872.419)	(162.736.822)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.325.390.274	226.297.457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	1.293.406.353	226.297.457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		985.507.699	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		46.476.222	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.512.037.622	52.409.255.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		112.000.000	89.200.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		112.000.000	89.200.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.781.835.050	31.791.368.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	32.753.640.605	31.791.368.316
- Nguyên giá	222		48.894.912.718	46.341.398.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.141.272.113)	(14.550.030.187)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	28.194.445	-
- Nguyên giá	228		30.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.805.555)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.181.535.938	6.366.652.049
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	11.181.535.938	6.366.652.049
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	5.064.479.927	5.445.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.814.479.927	2.195.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.372.186.707	8.717.034.805
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	8.372.186.707	8.717.034.805
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182.591.751.097	136.822.244.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.835.121.052	35.817.929.514
I. Nợ ngắn hạn	310		82.295.921.052	35.113.029.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	52.444.388.079	11.162.742.674
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.390.193.797	467.184.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	481.852.572	256.594.110
4. Phải trả người lao động	314		417.198.963	1.877.688.069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	301.271.709	856.768.953
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	284.717.557	623.684.029
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	25.304.469.918	14.068.400.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.671.828.457	5.799.966.852
II. Nợ dài hạn	330		539.200.000	704.900.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	539.200.000	704.900.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.756.630.045	101.004.314.894
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	99.756.630.045	101.004.314.894
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	5.082.480.590	5.082.480.590
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.893.331.260	17.893.331.260
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	6.363.821.971	7.611.506.820
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		246.317.820	45.142.224
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.117.504.151	7.566.364.596
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		182.591.751.097	136.822.244.408



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	147.242.906.058	121.381.437.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	240.068.395	666.215.161
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		147.002.837.663	120.715.222.531
4. Giá vốn hàng bán	11	25	119.860.204.219	97.309.921.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>27.142.633.444</u>	<u>23.405.301.434</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	515.756.505	953.074.914
7. Chi phí tài chính	22	27	1.553.195.723	1.764.291.220
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.136.076.151</i>	<i>1.259.656.618</i>
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	10.038.608.214	10.567.791.534
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	9.191.780.791	6.867.081.423
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>6.874.805.221</u>	<u>5.159.212.171</u>
11. Thu nhập khác	31	29	43.276.531	1.301.539.291
12. Chi phí khác	32	30	8.766	83.721.088
13. Lợi nhuận khác	40		<u>43.267.765</u>	<u>1.217.818.203</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>6.918.072.986</u>	<u>6.377.030.374</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	800.568.835	841.045.568
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>6.117.504.151</u>	<u>5.535.984.806</u>



Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.918.072.986	6.377.030.374
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11,12	1.666.503.726	1.151.267.934
- Các khoản dự phòng	03		40.543.328	(129.075.958)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(8.137)	89.488
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(366.141.493)	(1.567.679.893)
- Chi phí lãi vay	06	27	1.136.076.151	1.259.656.618
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		9.395.046.561	7.091.288.563
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(21.455.903.479)	(21.387.575.222)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	(34.398.768.295)	(14.555.356.464)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		39.857.802.423	3.604.566.734
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15	(722.260.798)	438.840.490
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.126.089.935)	(1.241.156.960)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(388.131.460)	(438.793.180)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		78.200.000	47.250.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.206.338.395)	(4.721.839.827)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.966.443.378)	(31.162.775.866)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(7.475.650.348)	(3.341.432.400)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		20.000.000	621.560.002
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		34.200.000	165.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		380.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		418.238.655	663.246.171
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.674.211.693)	(14.891.626.227)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	55.595.652.138	50.357.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(44.525.282.220)	(29.300.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.566.659.000)	(3.476.290.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.503.710.918	17.580.709.400
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.136.944.153)	(28.473.692.693)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	18.377.954.261	30.198.679.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.137	(89.488)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.241.018.245	1.724.897.672



Trần Văn Hưng

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 09 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08 tháng 04 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con, 1 Công ty liên kết và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách - TBGD Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

• Các đơn vị trực thuộc:

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên kết, và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✦ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✦ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	238.653.832	448.658.889
Tiền gửi ngân hàng	1.891.736.473	5.780.356.123
Các khoản tương đương tiền	110.627.940	12.148.939.249
Cộng	2.241.018.245	18.377.954.261

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách - Thiết Bị Giáo Dục Tây Ninh	1.721.337.243	1.888.138.198
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	4.843.607.887	1.286.339.454
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	2.944.661.033	706.779.970
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	1.028.620.365	741.320.223
Công ty CP Sách Giáo dục TP Hồ Chí Minh	1.141.045.607	-
Các đối tượng khác	41.498.676.830	27.458.802.784
Cộng	53.177.948.965	32.081.380.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

		30/06/2016	01/01/2016
Mối quan hệ			
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	1.721.337.243	1.888.138.198
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	1.347.846.838
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	2.944.661.033	706.779.970
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	92.106.505	69.534.940
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	932.287.225	563.806.490
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	1.028.620.365	741.320.223
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	809.093.053	54.243.150
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	1.141.045.607	-
Cộng		8.669.151.031	5.371.669.809

7. Trả trước cho người bán

	30/06/2016	01/01/2016
I-SIGHT INTERNATIONAL CO.,LTD	44.660.000	-
Công ty TNHH MTV In ấn Sao Việt	193.172.100	-
Các đối tượng khác	72.370.061	1.212.023.978
Cộng	310.202.161	1.212.023.978

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	55.314	-	71.632.403	-
Tạm ứng	253.491.635	-	26.887.996	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	580.700	-	580.700	-
Phải thu khác	2.569.400	-	-	-
Cộng	281.697.049	-	124.101.099	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	-	(2.000.000)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(111.729.467)	(115.648.959)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(36.327.223)	-
Cộng	(148.056.690)	(117.648.959)

10. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.800.136.643	-	6.226.155.325	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.951.758.838	-	3.287.811.742	-
Thành phẩm	11.106.541.049	-	7.187.410.521	-
Hàng hóa	45.197.749.360	(172.872.419)	15.956.040.007	(162.736.822)
Cộng	67.056.185.890	(172.872.419)	32.657.417.595	(162.736.822)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 30/06/2016 là 340.412.761 đồng;

Tại thời điểm 30/06/2016 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản vay.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	32.437.259.693	9.089.586.986	4.054.899.727	759.652.097	46.341.398.503
Mua sắm trong kỳ	-	-	1.397.018.182	179.316.364	1.576.334.546
Đ/tư XDCB h/thành	1.050.635.914	-	-	-	1.050.635.914
T/lý, nhượng bán	-	73.456.245	-	-	73.456.245
Số cuối kỳ	33.487.895.607	9.016.130.741	5.451.917.909	938.968.461	48.894.912.718
Khấu hao					
Số đầu kỳ	8.715.810.468	4.519.061.309	823.310.465	491.847.945	14.550.030.187
Khấu hao trong kỳ	627.531.615	643.046.959	336.276.301	57.843.296	1.664.698.171
T/lý, nhượng bán	-	73.456.245	-	-	73.456.245
Số cuối kỳ	9.343.342.083	5.088.652.023	1.159.586.766	549.691.241	16.141.272.113
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	23.721.449.225	4.570.525.677	3.231.589.262	267.804.152	31.791.368.316
Số cuối kỳ	24.144.553.524	3.927.478.718	4.292.331.143	389.277.220	32.753.640.605

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 1.580.181.722 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 2.761.735.587 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Mua trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Số cuối kỳ	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	1.805.555	1.805.555
Số cuối kỳ	<u>1.805.555</u>	<u>1.805.555</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>28.194.445</u>	<u>28.194.445</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Công trình nhà máy Bình Dương	-	616.663.639
Công trình 780 Nguyễn Kiệm	8.872.445.028	4.386.352.046
Chi phí thiết kế 104/5 Mai Thị Lựu	1.818.181.819	1.363.636.364
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	490.909.091	-
Cộng	<u>11.181.535.938</u>	<u>6.366.652.049</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016				01/01/2016				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con									
- Công ty CP Giáo dục An Đông	Đang hoạt động	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	276.000	2.760.000.000	-
Đầu tư vào Cty liên kết									
- Công ty CP Sách và TBGD Tây Ninh	Đang hoạt động	32,61%	32,61%	18.120	1.814.479.927	-	21.920	2.195.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác									
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-
Cộng					5.064.479.927	-		5.445.000.000	-

— Công ty đã nhận được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của các công ty nhận đầu tư với vốn chủ sở hữu được báo toán. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

— Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	150.710.666	162.536.603
Chi phí thuê đất	852.865.200	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	289.830.487	63.760.854
Cộng	1.293.406.353	226.297.457

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	313.100.386	358.332.505
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	224.926.957	372.371.345
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	-	15.369.808
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	101.666.672	179.224.301
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	51.436.916	-
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.671.746.031	7.766.458.947
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.309.745	25.277.899
Cộng	8.372.186.707	8.717.034.805

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Phương Nam	13.069.296.818	327.229.745
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	2.947.476.800	-
Chi nhánh NXB GD tại Đà Nẵng	154.107.394	164.107.394
Công ty CP DV Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	2.594.506.200	2.695.028.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	19.440.483.217	-
Các đối tượng khác	14.238.517.650	7.976.376.835
Cộng	52.444.388.079	11.162.742.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	13.069.296.818	327.229.745
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	101.113.495	148.772.634
Chi nhánh NXB GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	154.107.394	164.107.394
Công ty CP Đầu tư PT GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	582.800	70.308.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	77.186.340	28.433.740
Công ty CP DV XBGD Gia Định	Chung công ty đầu tư	2.594.506.200	2.695.028.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	Chung công ty đầu tư	19.440.483.217	-
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	2.947.476.800	-
Cộng		38.384.753.064	3.433.880.213

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ còn phải nộp	Số cuối kỳ nộp thừa
Thuế GTGT	72.527.921	187.498.061	260.025.982	-	-
Thuế nhập khẩu	-	103.642.766	103.642.766	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	69.415.197	800.568.835	388.131.460	481.852.572	-
Thuế thu nhập cá nhân	114.650.992	274.743.451	418.361.065	-	28.966.622
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.575.907.344	3.593.416.944	-	17.509.600
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	256.594.110	4.951.360.457	4.772.578.217	481.852.572	46.476.222

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng môi giới	290.454.150	790.937.610
Lãi vay	10.817.559	831.343
Các khoản khác	-	65.000.000
Cộng	301.271.709	856.768.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Cổ tức phải trả	30.717.557	232.187.557
Các khoản phải trả khác	254.000.000	391.496.472
- Thủ lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	254.000.000	347.506.472
- Phải trả khác	-	43.990.000
Cộng	284.717.557	623.684.029

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	13.737.000.000	55.595.652.138	44.359.582.220	24.973.069.918
- Vay cá nhân	13.737.000.000	-	990.000.000	12.747.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	38.292.207.138	26.066.137.220	12.226.069.918
- NH TMCP Công thương CN 5	-	17.303.445.000	17.303.445.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	331.400.000	165.700.000	165.700.000	331.400.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	331.400.000	165.700.000	165.700.000	331.400.000
Cộng	14.068.400.000	55.761.352.138	44.525.282.220	25.304.469.918

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	1.036.300.000	-	165.700.000	870.600.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	1.036.300.000	-	165.700.000	870.600.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.036.300.000	-	165.700.000	870.600.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	331.400.000			331.400.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	704.900.000			539.200.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng vay số 066C15 ngày 02/06/2015. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Isuzu. Lãi suất cho vay năm đầu tiên 7,22%, các năm tiếp theo theo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.321.329.908	16.408.409.578	1.440.089.412
Tăng trong năm	-	-	761.150.682	1.484.921.682	13.782.924.228
Giảm trong năm	-	-	-	-	7.611.506.820
Số dư tại 31/12/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	5.082.480.590	17.893.331.260	7.611.506.820
Số dư tại 01/01/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.082.480.590	17.893.331.260	7.611.506.820
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.117.504.151
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.365.189.000
Số dư tại 30/06/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.082.480.590	17.893.331.260	6.363.821.971

b. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.611.506.820	513.999.578
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	6.117.504.151	5.535.984.806
Phân phối lợi nhuận	7.365.189.000	-
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	7.365.189.000	-
- Chia cổ tức	7.365.189.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	6.363.821.971	6.049.984.384

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQĐHCĐ_16 ngày 27/03/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQ/ĐHĐCĐ_16 ngày 27/03/2016 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
Ngoại tệ (USD)	502,37	502,37

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số tiền	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	86.616.019.840	61.749.431.970
Doanh thu thiết bị giáo dục	59.882.472.588	58.982.996.638
Doanh thu khác	744.413.630	649.009.084
Cộng	147.242.906.058	121.381.437.692

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hàng bán bị trả lại	240.068.395	666.215.161
Cộng	240.068.395	666.215.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách và sản phẩm in	76.915.071.953	53.630.457.493
Giá vốn thiết bị giáo dục	42.383.700.058	43.184.112.209
Giá vốn khác	551.296.611	471.800.684
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.135.597	23.550.711
Cộng	119.860.204.219	97.309.921.097

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	149.861.566	484.047.164
Cổ tức, lợi nhuận được chia	196.800.000	334.800.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	169.073.393	132.753.713
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.409	1.474.037
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.137	-
Cộng	515.756.505	953.074.914

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền vay	1.136.076.151	1.259.656.618
Chiết khấu thanh toán nhanh	416.537.763	504.545.114
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	520.073	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	61.736	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	89.488
Cộng	1.553.195.723	1.764.291.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.971.588.336	6.300.967.836
Khấu hao TSCĐ	133.559.660	62.748.220
Chi phí vận chuyển	562.527.589	937.330.607
Tiền thuê đất	968.867.844	1.569.632.400
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	343.949.736	525.731.874
Các khoản khác	1.058.115.049	1.171.380.597
Cộng	10.038.608.214	10.567.791.534

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương, trích theo lương	4.678.723.767	4.675.904.937
Khấu hao TSCĐ	364.865.662	231.547.678
Thù lao HĐQT	254.000.000	229.800.000
Tiền thuê đất	1.208.900.220	140.474.166
Các khoản khác	2.685.291.142	1.589.354.642
Cộng	9.191.780.791	6.867.081.423

29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	20.000.000	748.832.729
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	12.174.590	92.339.423
Thanh lý công cụ hư hỏng	615.273	2.620.000
Các khoản khác	10.486.668	457.747.139
Cộng	43.276.531	1.301.539.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá trị vật tư, hàng hóa kém chất lượng đã thanh lý	-	57.621.211
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	-	26.058.950
Các khoản khác	8.766	40.927
Cộng	8.766	83.721.088

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.918.072.986	6.377.030.374
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	6.098.567.726	4.314.295.570
- Hoạt động không được ưu đãi	819.505.260	2.062.734.804
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	168.351.633	(200.843.845)
Điều chỉnh tăng	365.159.770	133.956.155
- Chi phí không được trừ	365.159.770	133.866.667
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	-	89.488
Điều chỉnh giảm	196.808.137	334.800.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	196.800.000	334.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	8.137	-
Tổng thu nhập chịu thuế	7.086.424.619	6.176.186.529
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	6.167.160.884	4.314.295.570
- Hoạt động không được ưu đãi	919.263.735	1.861.890.958
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	800.568.835	841.045.568
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	616.716.088	431.429.557
- Hoạt động không được ưu đãi	183.852.747	409.616.011
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	800.568.835	841.045.568
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	800.568.835	841.045.568

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.107.683.820	20.290.755.019
Chi phí nhân công	13.993.844.989	13.393.669.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.666.503.726	1.151.267.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.420.094.309	5.841.531.767
Chi phí khác bằng tiền	2.167.698.052	2.665.954.629
Cộng	44.355.824.896	43.343.178.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	USD	USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	502,37	502,37

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	52.444.388.079	-	52.444.388.079
Chi phí phải trả	301.271.709	-	301.271.709
Vay và nợ thuê tài chính	25.304.469.918	539.200.000	25.843.669.918
Phải trả khác	284.717.557	-	284.717.557
Cộng	78.334.847.263	539.200.000	78.874.047.263
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.162.742.674	-	11.162.742.674
Chi phí phải trả	856.768.953	-	856.768.953
Vay và nợ thuê tài chính	14.068.400.000	704.900.000	14.773.300.000
Phải trả khác	623.684.029	-	623.684.029
Cộng	26.711.595.656	704.900.000	27.416.495.656

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.241.018.245	-	2.241.018.245
Phải thu khách hàng	53.029.892.275	-	53.029.892.275
Phải thu về cho vay	8.200.000	112.000.000	120.200.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	28.205.414	-	28.205.414
Cộng	55.307.315.934	602.000.000	55.909.315.934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.377.954.261	-	18.377.954.261
Phải thu khách hàng	31.963.731.670	-	31.963.731.670
Phải thu về cho vay	14.200.000	89.200.000	103.400.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	97.213.103	-	97.213.103
Cộng	50.453.099.034	579.200.000	51.032.299.034

34. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSĐĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty Đầu tư và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Mua hàng			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	13.799.100	3.936.300
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng SGK, bìa bao	61.721.123.650	37.334.072.722
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng STK, VHP	278.174.446	324.812.815
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	52.780.000	67.032.000
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng STK, VHP	26.449.344.303	19.409.076.455
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	1.973.538.724	1.516.869.928
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Mua sách	6.353.916.800	-
Bán hàng			
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	5.757.343.713	2.216.192.883
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị	1.266.068.952	67.577.840
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	858.164.060	
Công ty ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	5.841.424.720	109.447.200
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Sách, dịch vụ	740.464.606	734.778.461
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Sách, thiết bị	1.201.859.237	1.430.439.421
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Sách, thiết bị	67.463.730	72.303.480
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	868.405.426	1.052.841.155
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	1.441.441.020	1.058.529.012
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục		4.296.823.347	2.151.990.144
Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt			
Hội đồng quản trị	Thù lao	347.506.472	224.800.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.090.543.000	1.418.071.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc
Trần Văn Hưng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh